

Số: /QĐ-UBND

Tân Quang, ngày 05 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**" Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư công năm 2022"**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN QUANG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số: 5488/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ninh Giang "Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022";*

*Căn cứ Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang "Về việc phê chuẩn dự toán và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2022";*

*Căn cứ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang "Về việc bổ sung một số công trình vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm năm 2022;*

*Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho các ban, ngành đoàn thể, các đơn vị liên quan trong xã với tổng số tiền là: **13.162.777.000.đồng.**

**Bằng chữ:** (Mười ba tỷ một trăm sáu hai triệu bảy trăm bảy nghìn đồng.)

- Tổng dự toán thu ngân sách xã là: 13.162.777.000 đồng.
- Tổng dự toán chi ngân sách xã là: 13.162.777.000 đồng.

Trong đó:

Chi thường xuyên là : 7.091.677.000 đồng.

Chi XDCB là : 6.000.000.000 đồng.

Dự phòng : 71.100.000 đồng.

( Có phục lục chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 được giao. Các ngành, các khối, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của xã .

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Văn phòng HĐND&UBND xã, Công chức Tài chính-Kế toán xã và các ông (bà) Trưởng ban ngành, đoàn thể trong xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện
- Phòng TC-KH
- TT HĐND xã
- Đảng ủy xã
- Nhu điều 4;
- Lưu VP.

**T.M UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Phúc**

**PHỤ LỤC 01**  
**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
*( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND xã Tân Quang)*

*ĐVT: Đồng*

TT	NỘI DUNG THU	SỐ TIỀN
	<b>TỔNG THU = I+II+III+IV</b>	<b>13.162.777.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu tại xã hưởng 100% . Tổng thu</b>	<b>290.000.000</b>
	- Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích	290.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu xã hưởng theo tỷ lệ%. Tổng thu</b>	<b>367.000.000</b>
	- Thu phí , lệ phí	35.000.000
	- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45.000.000
	- Thu lệ phí thuế môn bài các hộ kinh doanh	18.000.000
	- Thu lệ phí trước bạ	70.000.000
	- Thu thuế thu nhập cá nhân	40.000.000
	- Thu thuế giá trị gia tăng	80.000.000
	- Các khoản thu khác	79.000.000
<b>III</b>	<b>Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên. Tổng thu</b>	<b>6.505.777.000</b>
	- Thu trợ cấp chi thường xuyên	6.434.677.000
	- Kinh phí dự phòng	71.100.000
<b>IV</b>	<b>Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất</b>	<b>6.000.000.000</b>

**PHỤ LỤC 02**  
 **DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
*( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND xã Tân Quang)*

		<i>DVT: Đồng</i>
TT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
	<b>TỔNG CHI =I+II+III</b>	<b>13.162.777.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6.000.000.000</b>
	- Chi DT XD	6.000.000.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>7.091.677.000</b>
	Trong đó: Quỹ lương, phụ cấp	5.081.334.000
1	Chi công tác quân sự	382.243.400
2	Chi công tác an ninh trật tự	201.920.000
3	Sự nghiệp y tế	9.000.000
4	Sự nghiệp văn hoá, văn nghệ, TDTT, truyền thanh	68.000.000
5	Sự nghiệp kinh tế	125.000.000
6	Sự nghiệp xã hội	802.956.000
<b>7</b>	<b>Chi quản lý Đảng, đoàn thể, HỘND, UBND</b>	<b>5.502.557.600</b>
7.1	Quản lý nhà nước (UBND + HỘND)	3.400.971.600
7.2	Đảng cộng sản Việt Nam	845.996.000
7.3	Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam	458.764.400
7.4	Đoàn thanh niên CS HCM	236.121.200
7.5	Hội liên hiệp phụ nữ	154.537.200
7.6	Hội cựu chiến binh	189.921.200
7.7	Hội nông dân	126.246.000
7.8	Chi hỗ trợ các thôn	41.000.000

7.9	Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội	49.000.000
III	<b>Dự phòng</b>	<b>71.100.000</b>